TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Trị, ngày 17 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 76/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn A, xã P, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Anh Lê Đức T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A, xã P, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án";

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Lê Đức T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các mối quan hệ khác như sau:

2.1. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Lê Đức T có 02

con chung là Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2010 và Lê Thái B, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2017; anh chị thỏa thuận giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thị Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Lê Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng/cháu, kể từ tháng 5/2026 cho đến khi các cháu lần lượt tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền qua lại thăm con; chị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh chị có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này. Nếu anh T lạm dụng việc thăm con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh T.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy H thỏa thuận nộp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) án phí sự sơ thẩm ly hôn và số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001283, ngày 01 tháng 4 năm 2026.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 3;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- UBND xã Phú Trạch
(GCNKH số 11, ngày 10/4/2009
Xã Quảng Đông cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Anh Đức